

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 16-3-2022

V/v ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Đạo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Minh Lý;

2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Quyết - *Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.*

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 333/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2021 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2022/HNGĐST-QĐ ngày 09/3/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Đình L, sinh năm 1961; HKTT: Thôn x, xã TH, huyện BD, tỉnh Bình Phước. Tạm trú: Số x1, đường Đ, phường HN, thị xã T, tỉnh Bình Dương; (có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Hoàng Thị Thanh T, sinh năm 1964; HKTT: Thôn x, xã TH, huyện BD, tỉnh Bình Phước. Tạm trú: Số x2, đường LHP, khu phố x3, phường PT, thành phố M, tỉnh Bình Dương; (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/12/2021 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Đình L trình bày:

Ông Nguyễn Đình L và bà Hoàng Thị Thanh T tự nguyện tìm hiểu, sống chung với nhau vào năm 1988 có đăng ký kết hôn với nhau tại UBND xã TH, LN, tỉnh Sông Bé (nay là tỉnh Bình Phước) theo giấy chứng nhận kết hôn số 47/1998 ngày 01/01/1988.

Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, sau đến năm 2000 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là trong cuộc sống giữa vợ chồng thường xuyên bất đồng nhiều quan điểm trong cuộc sống. Bản thân ông L đã cố gắng vì các con nhưng hiện nay con chung đã lớn, tình cảm vợ chồng không còn và mục đích hôn nhân không đạt được đồng thời đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Vì thế ông L yêu cầu Tòa án giải quyết đề ly hôn với bà Hoàng Thị Thanh T.

Về con chung: Có 03 con chung là Nguyễn Hoàng Sĩ H, sinh năm 1987; Nguyễn Hoàng Nhật A, sinh năm 1992; Nguyễn Đình K, sinh năm 1995. Do con chung đã trưởng thành nên ông L không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai ngày 31/12/2021 và quá trình hòa giải - Bị đơn bà Hoàng Thị Thanh T trình bày: Bà T thống nhất với lời trình bày của ông L về thời gian kết hôn và đăng ký kết hôn và các con chung. Bà T không đồng ý ly hôn vì vợ chồng đã sống với nhau trong một thời gian rất lâu, trải qua nhiều khó khăn, cùng có với nhau 03 người con. Trong cuộc sống vợ chồng cũng có phát sinh mâu thuẫn nhưng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ không đáng có. Bản thân bà T vẫn còn tình cảm với ông L đồng thời hiện cả hai đã lớn tuổi, khi về già cần người chăm sóc. Ngoài ra vợ chồng có 01 người con bị tự kỷ nên cần có một gia đình hoàn thiện. Do đó bà không đồng ý ly hôn. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa có ý kiến: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đầy đủ, đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định pháp luật. Đại diện Viện kiểm sát không có kiến nghị sửa chữa, bổ sung gì về phần thủ tục. Về nội dung, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn ông Nguyễn Đình L khởi kiện tranh chấp yêu cầu được ly hôn với bị đơn bà Hoàng Thị Thanh T. Bị đơn có đăng ký tạm trú tại số x2, đường LHP, khu phố x3, phường PT, thành phố M, tỉnh Bình Dương. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ông Nguyễn Đình L và bà Hoàng Thị Thanh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn năm 1988 tại UBND xã TH, huyện LN, tỉnh Bình Phước theo Giấy chứng nhận kết hôn số 47/1988 ngày 01/01/1988 nên quan hệ hôn nhân giữa hai người là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Ông Lân yêu cầu được ly hôn với bà T vì cho rằng trong quá trình chung sống cuộc sống giữa vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm, có nhiều xung đột đồng thời ông L đã ly thân với bà T từ 2018 đến nay. Lời trình bày của ông L được bà T thừa nhận nhưng không đồng ý ly hôn vì bà T xác định vợ chồng đã sống với nhau trong một thời gian rất dài, trải qua nhiều khó khăn, cùng có với nhau 03 người con. Trong cuộc sống vợ chồng cũng có phát sinh mâu thuẫn nhưng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ không đáng có. Bản thân bà T vẫn còn tình cảm với ông L. Hội đồng xét xử nhận thấy, mục đích của hôn nhân là cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc, vợ chồng hòa thuận nhưng giữa các đương sự đã phát sinh nhiều mâu thuẫn; ông L, bà T đã ly thân từ năm 2019 cho đến nay đồng thời không có nguyện vọng hàn gắn. Bản thân ông L đã từng 01 lần nộp đơn khởi kiện ly hôn nhưng sau đó lại rút đơn. Xét thấy tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn của ông L là có căn cứ chấp nhận theo qui định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung: Do 03 con chung đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết do các đương sự không có yêu cầu.

[5] Từ những nhận định trên, xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn. Đối với lời đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 235, Điều 227, Điều 266, Điều 271 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 56, 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đình L đối với bà Hoàng Thị Thanh T về việc ly hôn.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Đình L được ly hôn đối với bà Hoàng Thị Thanh T.

- Về con chung: Do 03 con chung đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Đình L phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ toàn bộ vào số tiền đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0000690 ngày 07/12/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Dầu Một;
- UBND xã TH, huyện LN, tỉnh Sông Bé (nay là tỉnh Bình Phước);
- Đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Minh Đạo